

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 02 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Viên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST – HN&GD ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị N**, sinh năm 1994; Căn cước công dân số: 001193024826 cấp ngày 19/04/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đăng ký hộ khẩu: thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: TDP N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: Anh **Bùi Công T**, sinh năm 1996; Chứng minh nhân dân số: 152096427 cấp ngày 17/9/2010 tại Công an tỉnh T; Nơi ở hiện nay: TDP N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Chị N, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Tạ Thị N** trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh **Bùi Công T** có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại tổ dân phố N, Thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không

hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 đến nay nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tôi xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Tôi xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Tôi đồng ý chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**** Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Bùi Công T trình bày như sau:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Tạ Thị N có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08. Sau khi cưới chúng tôi về sinh sống tại tổ dân phố N, Thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chúng tôi thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tôi xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Tôi xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Cụ thể: Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; về con chung: Không có; Về tài sản chung (động sản và bất động sản): xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; Về các khoản vay nợ: xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết; Về án phí: Chị N tự nguyện chịu án phí sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và khoản 1 Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ nguyên đơn, bị đơn xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, Tòa án đã tiến hành lấy ghi khai của đại diện gia đình bị đơn và đại diện chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu toàn bộ lời khai tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị N và anh Bùi Công T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc và không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Chị N, anh T đều xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án cho ly hôn.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của bà Phạm Thị Sâm, sinh năm 1972; nơi cư trú: thôn Trà Vy Nam, xã V, huyện K, tỉnh T - là mẹ đẻ của anh Bùi Công T. Bà Sâm trình bày: *Về quan hệ hôn nhân*: chị Tạ Thị N và anh Bùi Công T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 2 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 08. Sau khi cưới chị N, anh T về chung sống tại tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị N xin ly hôn anh T, bà Sâm đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn; *Về con chung*: Không có; *Về tài sản chung và nhà ở*: Không có; *Về khoản nợ*: Bà Sâm xác nhận không vay nợ hai anh chị và hai anh chị cũng không vay nợ gì gia đình bà Sâm.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương và được ông Nguyễn Ngọc Thành - Phó Chủ tịch UBND xã V cho biết: chị Tạ Thị N và anh Bùi Công T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 02 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh T. Sau khi cưới chị N, anh T về sinh sống tại tổ dân phố N, Thị trấn Q, huyện Q. Nhưng khoảng 06 tháng nay anh T thường xuyên về nhà mẹ đẻ ở do vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh T cũng đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn, địa phương đề nghị Toà án giải quyết cho chị N được ly hôn anh T theo nguyện vọng của hai bên; *Về con chung*: Không có.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: chị N, anh T kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc và không có con chung. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Bị đơn là anh Bùi Công T cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, tuy nhiên do công việc ở xa nên anh không đến Toà án để hoà giải được. Chị N, anh T đều xác định không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Về khoản nợ: hai bên xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39: Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị **Tạ Thị N**;

Chị **Tạ Thị N** được ly hôn với anh **Bùi Công T**.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị N, anh T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Về khoản nợ: chị N, anh T xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Tạ Thị N** phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0019756 ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi Cục THA dân sự huyện Q;
- UBND xã V, huyện K, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long